TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-ST
Ngày: 30 – 7 – 2019
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lệ Hiếu

2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim A, sinh năm 1964

Cư trú tại: Ấp P, xã N, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963

Cư trú tại: Ấp Y, xã N, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Kim A trình bày:

Ngày 07/10/2012 âm lịch bà có cho bà Nguyễn Thị S mượn số tiền 2.500.000đ, bà S có viết giấy nợ hứa sau một tháng sẽ trả, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Sau thời hạn một tháng, bà nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà Sáu hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả cho bà. Cũng trong ngày 07/10/2012 âm lịch bà có bán 10 con gà mái lứa cho bà S để nuôi đẻ, giá 100.000đ/con, tổng số tiền bán gà là 1.000.000đ. Sau đó, bà có yêu cầu bà S trả tiền mua gà nhưng bà S không trả. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho bà số tiền mượn còn nợ 2.500.000đ và số tiền mua gà con nợ 1.000.000đ; tổng cộng 3.500.000đ; đồng thời yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định trên số tiền mượn 2.500.000đ tính từ ngày 07/10/2012 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà thừa nhận có nợ bà Võ Thị Kim A số 800.000đ là tiền mua số đề của bà Kim A. Do không có tiền trả nên ngày 07/10/2012 âm lịch bà Kim A buộc bà phải ghi giấy nợ cộng vốn và lãi với số tiền 2.500.000đ. Sau đó bà có trả dần số tiền còn nợ cho bà Kim A nhưng không nhớ thời gian và số tiền đã trả được bao nhiêu. Đối với số tiền mua gà, bà thừa nhận có mua 05 con gà con, loại gà tre với giá là 15.000đ/con; mua vào khoảng năm 2011 (không nhớ chính xác thời gian). Sau khi mua gà thì bà đã trả đủ tiền cho bà Kim A. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà Võ Thị Kim A số tiền còn nợ vốn 800.000đ, không đồng ý trả lãi. Đối với số tiền mua gà thì bà không còn nợ nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Võ Thị Kim A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án: Tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã N, bà Nguyễn Thị S thừa nhận có nợ của bà Võ Thị Kim A số tiền 2.500.000đ. Bà Kim A có cung cấp giấy nợ do bà S ký tên; quá trình giải quyết vụ án bà S cũng thừa nhận có ký tên trong giấy nợ lập ngày 07/10/2012. Đối với số tiền mua gà bà Kim A cho rằng có bán cho bà Sáu 10 con gà với giá 100.000đ/con, tổng số tiền là 1.000.000đ. Tuy nhiên, bà S chỉ thừa nhận có mua

của bà Kim A 05 con gà với giá 15.000đ/con, tổng số tiền 75.000.000đ và bà đã trả tiền xong. Việc mua bán gà giữa hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có người chứng kiến; bà Kim A cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh việc bán 10 con gà cho S với số tiền 1.000.000đ; bà S cho rằng đã trả đủ tiền 75.000đ cho bà Kim A nhưng không cung được chứng cứ để chứng minh và bà Kim A cũng không thừa nhận đã nhận tiền mua gà. Do đó, có căn cứ xác định bà Sáu còn nợ tiền mượn của bà Kim A 2.500.000đ và tiền mua gà 75.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Võ Thị Kim A số tiền mượn còn nợ 2.5000.000đ và tiền mua gà 75.000đ; đồng thời tính lãi trên số tiền nợ 2.500.000đ theo mức lãi suất Nhà nước quy định kể từ ngày vi phạm thời hạn trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Các đương sự tranh chấp với nhau đối với số tiền cho mượn và tiền mua bán gà còn nợ. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán tài sản". Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim A yêu cầu bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả số tiền mượn còn nợ 2.500.000đ và tiền bán gà nợ 1.000.000đ, đồng thời yêu cầu tính lãi theo mức suất Nhà nước quy định trên số tiền mượn 2.500.000đ tính từ ngày 07/10/2012 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Vào ngày 07/10/2012 âm lịch bà Nguyễn Thị S có hỏi mượn 2.5000.000đ của bà Võ Thị Kim A, hai bên có làm biên nhận, thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Sau khi mượn bà S không có khả năng thanh toán nên hai bên phát sinh tranh chấp. Do bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Kim A có yêu cầu

chính quyền địa phương giải quyết; tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã Na, bà S đã thừa nhận có mượn nợ bà Kim A số tiền 2.500.000đ. Bà Kim A có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là 'Giấy nợ" lập ngày 07/10/2012 âm lịch, nội dung giấy nợ ghi nhận việc bà S có mượn nợ của bà Kim A số tiền 2.500.000đ, có chữ ký của bà S. Quá trình giải quyết vụ án, bà S cũng thừa nhận có ký tên trong "Giấy nợ" lập ngày 07/10/2012 âm lịch nhưng bà cho rằng đây là tiền mua số đề của bà Kim A còn nợ. Lời trình bày của bà S là không có căn cứ và không được bà Kim A thừa nhận; vì trong "Giấy nợ" không thể hiện nội dung thiếu tiền mua số đề mà chỉ ghi là tiền mượn nợ; bà S cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là tiền mua số đề còn nợ. Do đó, buộc bà S có nghĩa vụ phải trả cho bà Kim A số tiền nợ 2.5000.000đ.

[3.2]. Xét yêu cầu tính lãi của bà Kim A đối với số tiền cho mượn nợ 2.500.000đ. Tại thời điểm hai bên ký kết giấy nợ là ngày 07/10/2012 âm lịch; thỏa thuận thời hạn trả nợ là một tháng; hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận tiền. Đến hạn trả nợ do bà S chậm thực hiện nghĩa vụ nên ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Kim A; do đó cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Căn cứ Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định " ... Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có quy định khác hoặc pháp luật có quy định khác." Theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Do đó, yêu cầu của bà Kim A về việc tính lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở chấp nhận xem xét. Tuy nhiên, về thời gian bà Kim A yêu cầu tính lãi trên số tiền mượn 2.500.000đ từ ngày 07/10/2012 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là chưa phù hợp. Bởi lẽ, khi thực hiện giao dịch hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 01 tháng, khi đến hạn trả nợ mà bên có nghĩa vụ chậm thanh toán thì bên đó phải trả lãi tương ứng với thời gian chậm trả. Như vậy thời hạn trả lãi được tính từ ngày 08/11/2012 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 30/7/2019 (tức ngày 28/6/2019 âm lịch). Tiền lãi được tính như sau:

2.500.000đ x 9%/năm x 79 tháng 20 ngày = 1.493.750đ.

[3.3]. Đối với số tiền mua bán gà bà Kim A cho rằng 07/10/2012 âm lịch bà có bán 10 con gà cho bà S với số tiền 1.000.000đ, hai bên giao nhận gà không có người chứng kiến cũng như không có lập giấy tờ, hóa đơn mua bán. Bà Kim A cho rằng bà S còn nợ tiền mua gà 1.000.000đ nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong khi đó bà S

thừa nhận có mua 05 con gà với giá 75.000đ và đã trả tiền xong. Bà S cho rằng đã trả tiền mua gà nhưng không được bà Kim A thừa nhận và bà S cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Việc mua bán gà chỉ có sự thỏa thuận của hai bên, không được lập bằng giấy tờ, không có người chứng kiến nên không thu thập được chứng cứ gì thêm; do đó căn cứ vào lời khai của đương sự để giải quyết. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: "… Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó….. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Vì vậy, bà Kim A cho rằng bà S nợ 1.000.000đ tiền mua gà là không có căn cứ chấp nhận. Trong khi đó, bà S thừa nhận có mua gà của bà Kim A số tiền 75.000đ và đã trả tiền xong nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền. Do đó, buộc bà S phải trả cho bà Kim A số tiền mua gà còn nợ 75.000đ.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu 300.000đ; bị đơn phải chịu 300.000đ.

Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 256, 305, 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim A đối với bà Nguyễn Thị S.

2. Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Võ Thị Kim A số tiền là 4.068.750đ (bốn triệu không trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi

đồng); trong đó tiền mượn nợ vốn 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng), lãi 1.493.750đ (một triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) và tiền mua gà còn nợ 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không thỏa thuận được mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bị đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

4.2. Nguyên đơn bà Võ Thị Kim A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Kim A đã nộp theo lai thu tiền số 0019701 lập ngày 14/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2019). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thừa